

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 08 tháng 4 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 139/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Lê Thị Yến N, sinh năm 1997

Số CCCD: 038197021331.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996

Số CCCD: 038096037078.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2021 ngày 16/3/2021. Sau khi cưới, anh chị sống không hạnh phúc mà luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hòa giải được. Nay anh chị xét thấy

tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy chị N và anh T thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Châu A, sinh ngày 10/5/2021. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Châu A cho chị Lê Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Lê Châu A đủ 18 tuổi. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T thống nhất chị Lê Thị Yến N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Công nhận chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Châu A, sinh ngày 10/5/2021.

Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T, giao cháu Nguyễn Lê Châu A cho chị Lê Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Lê Châu A đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom con chung, không

ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N.

- Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Yến N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/26E số: 0002391 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T (chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú